Danh sách kiểm tra kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)

Thông tin biểu mẫu

Mã biểu mẫu	factory-acceptance-test-checklist
Phiên bản	v1.0
Ngôn ngữ	Tiếng Việt (vi)
Số hạng mục kiểm tra	58
Nguồn	https://layeraudit.com
Ngày sửa đổi	2026-10-27
Mô tả	Mô tả: Sử dụng danh sách kiểm tra kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT) này để lập hồ sơ quy trình FAT đầy đủ/chưa đầy đủ, thu thập bằng chứng ảnh của toàn bộ quy trình FAT, bao gồm nhận dạng mối nguy, kiểm tra an toàn và đánh giá công thái học, xác định tiêu chí chấp nhận Đạt/Không đạt khi thực hiện FAT thực tế, giao các hành động khắc phục cho điểm không phù hợp của thiết bị và xác nhận kiểm nghiệm nhận tại nhà máy bằng chữ ký số của nhân sự FAT.

Thông tin kiểm tra (điền trong quá trình kiểm tra)

Ngày kiểm tra	
Kiểm tra viên	
Khu vực / Bộ phận	
Người hướng dẫn	

Hướng dẫn

1. Biểu mẫu này chứa 58 hạng mục kiểm tra. Ghi kết quả vào trang tính 'Danh sách kiểm tra'.
2. Nguồn không quy định các lựa chọn Đạt/Không đạt cố định. Điền kết quả theo tiêu chí của đơn vị (ví dụ: Đạt / Không đạt / Không áp dụng).
3. Điểm số, kết luận và chữ ký được nhập thủ công tại trang tính 'Chấm điểm và Ký kết'.
4. Đối với ảnh hoặc bằng chứng khác, nhập số bằng chứng vào cột 'Ghi chú / Số bằng chứng' và lưu trữ ảnh theo số.
5. Số hạng mục kiểm tra được đánh số lại liên tục. Ánh xạ với các dòng nguồn được ghi trong '编号对应表.xlsx' trong gói bàn giao.

Danh sách kiểm tra kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT) — Danh sách kiểm tra

STT.	Mục / Phần	Hạng mục kiểm tra	Kết quả	Ghi chú / Số bằng chứng
1	Quy trình kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Quy trình làm việc tiêu chuẩn		
2	Quy trình kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Giấy chứng nhận tuân thủ		
3	Quy trình kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Định tính quá trình hàn		
4	Quy trình kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Bản vẽ kỹ thuật hoàn công		
5	Quy trình kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Giấy chứng nhận hiệu chuẩn dụng cụ đo		
6	Quy trình kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Phiếu dữ liệu thiết bị		
7	Quy trình kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Phiếu dữ liệu vật liệu		
8	Quy trình kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Quy trình bảo trì tiêu chuẩn		
9	Quy trình kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Sách hướng dẫn Lắp đặt, Bảo trì và Sử dụng		
10	Quy trình kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Danh sách phụ tùng đề xuất		
11	Quy trình kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Tài liệu đào tạo		
12	Quy trình kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Quy trình FAT		
13	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Nhận dạng mối nguy		
14	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	TIẾNG ỒN: Cân nhắc nhu cầu bảo hộ thính giác tại khu vực thử nghiệm. Thử nghiệm có tạo ra mức tiếng ồn cao hơn không?		
15	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	CHÁY / NGUỒN GÂY CHÁY: Cân nhắc xem có công việc nóng nào được thực hiện tại khu vực thử nghiệm không. Cân nhắc các yêu cầu kiểm soát / thử nghiệm.		
16	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	CHẤT NGUY HẠI: Thử nghiệm có liên quan đến tiếp xúc với chất nguy hại nào không? Tham khảo MSDS và cân nhắc PPE / biện pháp chuyên biệt.		
17	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	AMIANT: Cân nhắc xem nhân sự FAT có thể bị phơi nhiễm amianto trong khi thử nghiệm này không? Nếu không chắc chắn, hãy kiểm tra Sổ đăng ký amianto/Phạm vi công việc để biết các nguồn đã biết.		
18	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	MỐI NGUY TRƯỢT & VẤP: Cân nhắc xem có mối nguy trượt / vấp nào tại địa điểm thử nghiệm không. Thiết bị sẽ thử nghiệm có tạo ra mối nguy vấp không?		
19	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	VẬT RƠI: Kiểm nghiệm nhận tại nhà máy có được thực hiện ở trên nơi người khác có thể đi qua không? Nhân sự FAT có thử nghiệm thiết bị ở dưới nơi người khác không?		
20	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	NÂNG: Cân nhắc xem FAT có liên quan đến việc nâng bằng cần cẩu không. Đảm bảo đã tiến hành nghiên cứu nâng.		
21	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	THỬ NGHIỆM TRÊN CAO: Cân nhắc xem nhân sự FAT có làm việc trên cao trong khi thử nghiệm này không. Họ đã được đào tạo để thực hiện thử nghiệm chưa?		
22	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	THỬ NGHIỆM NGOÀI TRỜI: Cân nhắc điều kiện môi trường/các mối nguy liên quan. Cân nhắc các biện pháp phòng ngừa tiếp xúc với nóng/lạnh.		
23	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Có khả năng xả chất ô nhiễm ra rãnh thoát nước, môi trường biển, dòng nước, đất, không khí không? Phát tán rung động/tiếng ồn có vượt ra ngoài phạm vi dự án và tạo bụi hoặc thải bỏ chất thải nguy hại không?		

Danh sách kiểm tra kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT) — Danh sách kiểm tra

STT.	Mục / Phần	Hạng mục kiểm tra	Kết quả	Ghi chú / Số bằng chứng
24	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Kiểm tra an toàn		
25	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Cửa chắn bảo vệ có thể tiếp cận và dễ sử dụng không?		
26	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Nút dừng khẩn cấp có ở vị trí thích hợp không?		
27	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Hệ thống báo cháy hoạt động đúng không?		
28	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Bình chữa cháy đã có sẵn và được đánh dấu rõ ràng?		
29	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Nhân sự FAT có biết vị trí tủ sơ cứu không?		
30	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Số điện thoại khẩn cấp có được hiển thị không?		
31	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Có lắp đặt công tắc an toàn không?		
32	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Có đủ bộ chắn bảo vệ máy không?		
33	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Có đủ nhãn dán cho thiết bị và vật liệu không?		
34	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Biển tên máy móc có nhìn thấy rõ không?		
35	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Đánh giá công thái học		
36	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	XỬ LÝ THỦ CÔNG: Cân nhắc xem FAT có bao gồm rủi ro xử lý thủ công nào không.		
37	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Tất cả dụng cụ đo hoặc vật liệu có được đặt càng gần khu vực thử nghiệm càng tốt không?		
38	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Có xe đẩy, xe tải đẹp hoặc dụng cụ hỗ trợ khác luôn sẵn có để di chuyển dụng cụ đo hoặc vật liệu không?		
39	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Khu vực thử nghiệm được bố trí đúng cách?		
40	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Nhân sự FAT có được đào tạo về kỹ thuật nâng an toàn, cách sử dụng và thiết bị vận chuyển không?		
41	Chuẩn bị kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Nhân sự FAT có am hiểu về chính sách và quy trình công thái học không?		
42	Nhân sự kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Các thử nghiệm trước đã được thực hiện?		
43	Nhân sự kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Xác nhận việc áp dụng các hành động khắc phục.		
44	Nhân sự kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Các kỹ sư thiết kế và Trưởng phòng Chế tạo có đồng ý rằng thiết bị đã sẵn sàng cho FAT không?		
45	Nhân sự kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Có người vận hành và nhân sự bảo trì có mặt không?		
46	Nhân sự kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Khách hàng có biết tiêu chí chấp nhận không?		
47	Nhân sự kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT)	Tất cả nhân sự FAT có được trang bị PPE đúng quy cách không?		

Danh sách kiểm tra kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT) — Danh sách kiểm tra

STT.	Mục / Phần	Hạng mục kiểm tra	Kết quả	Ghi chú / Số bằng chứng
48	Kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT) thiết bị	Quá trình khởi động		
49	Kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT) thiết bị	An toàn		
50	Kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT) thiết bị	Hệ thống điều khiển		
51	Kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT) thiết bị	Giao diện người dùng		
52	Kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT) thiết bị	Công thái học		
53	Kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT) thiết bị	Hiệu năng		
54	Kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT) thiết bị	Quá trình tắt máy		
55	Kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT) thiết bị	Bảo trì		
56	Kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT) thiết bị	Thiết kế theo quy định / vệ sinh		
57	Kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT) thiết bị	Phù hợp với các đặc tính kỹ thuật		
58	Danh sách kiểm tra sau kiểm nghiệm nhận tại nhà máy	Danh sách tồn đọng		
	Hoàn thành	Ghi chú bổ sung		
	Hoàn thành	Thiết bị đã được sản xuất theo các đặc tính kỹ thuật của khách hàng. Vì độ tin cậy của thiết bị đã được xác nhận, thiết bị được lên lịch giao và lắp đặt tại công trình của khách hàng.		

Danh sách kiểm tra kiểm nghiệm nhận tại nhà máy (FAT) — Chấm điểm và Ký kết

Ký kết

Họ tên và chữ ký của Trưởng phòng Chất lượng	
Họ tên và chữ ký của Đại diện khách hàng	
Họ tên và chữ ký của Trưởng bộ phận Kỹ sư thiết kế	
Họ tên và chữ ký của Trưởng phòng Chế tạo	
Họ tên và chữ ký của Điều phối viên bảo trì	
Họ tên và chữ ký của Trưởng ca vận hành	